

Số: **1770** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **30** tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3309/TTr-SNNPTNT ngày 11/8/2023; đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 195/BC-STC ngày 24/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

- Tên dự án: Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020.

- Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Địa điểm xây dựng: Tỉnh Quảng Ngãi.

- Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2020.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán được phê duyệt
	Tổng số	6.916.643.000	4.285.335.240

1	Chi phí hỗ trợ trực tiếp	6.008.970.800	3.696.152.240
2	Quản lý dự án	180.269.124	117.209.000
3	Tư vấn ĐTXD	300.000.000	290.324.000
4	Chi phí khác	427.403.570	181.650.000

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn đã thu nộp NSNN thông qua tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(3)-(5)
Ngân sách tỉnh	6.916.643.000	4.285.335.240	4.559.208.240	264.814.000	9.059.000

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
Tổng số	4.285.335.240			
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	4.285.335.240			
2. Tài sản ngắn hạn	0			

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không có.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Ngân sách tỉnh	4.285.335.240	

b) Các khoản công nợ tính đến thời điểm thẩm tra:

- Tổng nợ phải thu: 9.059.000 đồng.
- Tổng nợ phải trả: 0 đồng.

c) Thực hiện công nợ: Thu hồi 9.059.000 đồng và nộp ngân sách nhà nước qua tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh (lý do thuộc nội dung kiến nghị xử lý của Thanh tra tỉnh).

(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục II đính kèm)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản 4.285.335.240 đồng.

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn /cố định	Tài sản ngắn hạn
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm lâm tỉnh)	4.285.335.240	0

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, pháp lý của hồ sơ trình phê duyệt quyết toán; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 195/BC-STC ngày 24/11/2023 và nội dung quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, KTNph452.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Hiền



Phụ lục I

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN
Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng ngập mặn có liên kết gỗ thông; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ ngập cấp, quý hiếm
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020
(Kèm theo Quyết định số: 1770/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

STT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Giá trị quyết toán tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Giá trị quyết toán tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
I	Chi phí hỗ trợ trực tiếp	6.008.970.800	3.696.152.240	3.696.152.240	-2.312.818.560	0
1	Hỗ trợ chuyên hóa	3.208.970.800	1.119.784.000	1.119.784.000	-2.089.186.800	0
2	Hỗ trợ trồng cây phân tán	2.800.000.000	2.576.368.240	2.576.368.240	-223.631.760	0
	- <i>Quyết toán A-B</i>	2.800.000.000	2.787.181.240	2.787.181.240	-12.818.760	0
	- <i>Giảm trừ qua Thanh tra tỉnh</i>	0	-210.813.000	-210.813.000	-210.813.000	0
II	Chi phí QLDA	180.269.124	117.209.000	117.209.000	-63.060.124	0
	- <i>Quyết toán</i>	180.269.124	180.269.000	180.269.000	-124	0
	- <i>Giảm trừ qua Thanh tra tỉnh</i>	0	-63.060.000	-63.060.000	-63.060.000	0
III	Chi phí tư vấn lập dự án	300.000.000	290.324.000	290.324.000	-9.676.000	0
IV	Chi phí khác	427.403.570	181.650.000	181.650.000	-245.753.570	0
1	Kiểm tra nghiệm thu trong quá trình thi công và khi nghiệm thu hoàn thành công trình lâm sinh	260.941.588	147.000.000	147.000.000	-113.941.588	0
2	Kiểm toán độc lập	104.814.203	0	0	-104.814.203	0
3	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	61.647.779	34.650.000	34.650.000	-26.997.779	0
	Tổng cộng:	6.916.643.000	4.285.335.240	4.285.335.240	-2.631.308.254	0



Phụ lục II
BẢNG CÔNG NỢ

Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020
(Kèm theo Quyết định số: 1770/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số vốn thực hiện			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng cộng	Đã thanh toán	Đã thu nộp NSNN thông qua tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh	Phải thu (-)	Phải trả (+)
1	2	3	4	5=6-7	6	7	8=5-4	9=4-5
I		Chi phí hỗ trợ trực tiếp	3.696.152.240	3.696.152.240	3.906.965.240	210.813.000	0	0
1	Doanh nghiệp tư nhân Tài Nguyên	Cung cấp cây giống	986.451.400	986.451.400	986.451.400	0	0	0
2	Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình	Hỗ trợ trồng cây phân tân; chuyển hóa rừng trồng	2.709.700.840	2.709.700.840	2.920.513.840	210.813.000	0	0
II		Chi phí QLDA	117.209.000	126.268.000	180.269.000	54.001.000	9.059.000	0
1	Chi cục Kiểm lâm tỉnh	QLDA	117.209.000	126.268.000	180.269.000	54.001.000	9.059.000	0
III		Chi phí tư vấn lập dự án	290.324.000	290.324.000	290.324.000	0	0	0
1	Công ty TNHH Tư vấn và sản xuất nông lâm nghiệp Hạnh Nhân	Lập dự án	290.324.000	290.324.000	290.324.000	0	0	0

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số vốn thực hiện			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng cộng	Đã thanh toán	Đã thu nộp NSNN thông qua tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh	Phải thu (-)	Phải trả (+)
IV		Chi phí khác	181.650.000	181.650.000	181.650.000	0	0	0
1	Chi cục Kiểm lâm tỉnh	Kiểm tra nghiệm thu trong quá trình thi công và khi nghiệm thu hoàn thành công trình lâm	147.000.000	147.000.000	147.000.000	0	0	0
2	Sở Tài chính	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	34.650.000	34.650.000	34.650.000	0	0	0
	Tổng cộng:		4.285.335.240	4.294.394.240	4.559.208.240	264.814.000	9.059.000	0